

Ngày: 17/6/2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thái

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại d V kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên

Ngày 17/6/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST-DS ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Bản Đ, xã C N, huyện Y Th, tỉnh B G.

Nơi ở: N T, xã T L, huyện Đ H, tỉnh Th Ng

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản Đ, xã C N, huyện Y Th, tỉnh B G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi k và các lời khai tiếp theo chị Trần Thị V trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Th vào ngày 19/4/2011 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc tại bản Đ, xã C N cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng hay xảy ra cãi vã bất đồng

trong quan điểm sống cũng như trong sinh hoạt hàng ngày, anh Th thường xuyên đánh đập chị. Đến năm 2015 chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Kim Ysinh ngày 08/3/2012 h nay cháu đang ở với anh Th, về con chung cháu Y đang ở ổn định với anh Th chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần gửi các văn bản tố tụng cũng như đã nhiều lần đến nhà anh Th làm việc nhưng anh Th không có nhà và cũng không có bản khai lưu trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh tại gia đình ông Nguyễn Văn Ng là bố đẻ anh Th cho biết anh Th và chị V kết hôn năm 2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh Th, chị V có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị V, anh Th không tin tưởng nhau, hay nghi ngờ lẫn nhau về quan hệ tình cảm. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra ghen tuông, đánh chửi lẫn nhau, chị V đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ 9/2014, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Về con chung chị V, anh Th có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim Yến h nay cháu Yến đang ở với anh Th và gia đình ông, cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường nên ông không có ý kiến gì về việc nuôi cháu Y, về tài sản, công nợ vợ chồng chị V, anh Th không có gì. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Th có đi làm ăn xa nhà từ đầu năm 2019 chỉ thỉnh thoảng mới gọi điện và về thăm nhà. Khi anh Th về thăm nhà ông đã thông báo và giao lại các văn bản của Tòa án cho anh Th được biết về việc chị V xin ly hôn, anh Th có ý kiến là đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi k của chị Trần Thị V: Xử cho chị V được ly hôn anh Th.

- Về con, tài sản, công nợ chung chị V không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Miễn tiền án phí cho chị Trần Thị V

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Trần Thị V và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th có địa chỉ tại C N, huyện Y Th nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y Th theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh Th đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất mở ngày 31/5/2019 anh Th vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh Th vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Th.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị V kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Th ngày 19/4/2001 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C N, huyện Y Th, tỉnh B G đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng như lời khai của ông Ng là bố đẻ anh Th, lời khai của chị V đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: vợ chồng có 1 con chung Nguyễn Thị Kim Y sinh ngày 08/3/2012 h cháu đang ở ổn định với anh Th và ông Ng, Chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết anh Th không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị Trần Thị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị V là người dân tộc Sán Dìu sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị V

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Th

2. Về con chung, tài sản, công nợ: Chị Trần Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí cho chị Trần Thị V, hoàn trả chị V số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004318 ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Canh N.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin từ Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

